

Số: **3888** /UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày **04** tháng 7 năm 2018

V/v báo cáo tình hình sạt lở
bờ sông, bờ biển và bồi lấp
cửa sông trên địa bàn
tỉnh Quảng Ngãi

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 6499
	Ngày: 04/7/18
	Chuyển:

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 4714/BNN-PCTT ngày 22/6/2018 về việc báo cáo tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển và bồi lấp cửa sông tại các tỉnh miền Trung, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình sạt lở bờ biển và bồi lấp cửa sông trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

I. Tổng quan về tình hình sạt lở bờ biển và bồi lấp cửa sông

1. Hiện trạng sạt lở bờ biển

- Tổng số điểm sạt lở bờ biển có 21 điểm; trong đó:

+ Sạt lở đặc biệt nguy hiểm có 05 điểm;

+ Sạt lở nguy hiểm có 16 điểm.

- Tốc độ sạt lở trung bình khoảng 5 mét/năm, đặc biệt trong vài năm gần đây một số điểm có tốc độ sạt lở rất nhanh (khoảng 10-15m/năm) như tại: Thôn Khê Tân, xã Tịnh Khê; thôn Phở An, xã Nghĩa An và thôn Kỳ Xuyên, xã Tịnh Kỳ (thành phố Quảng Ngãi); thôn Lê Thủy, xã Bình Trị; các thôn: Phước Thiện, An Cường, Thanh Thủy, xã Bình Hải (huyện Bình Sơn); Kè chống sạt lở bờ biển Sa Huỳnh, xã Phở Thạnh; đoạn bờ biển từ cầu Sa Huỳnh đến núi Bù Núi, xã Phở Châu; thôn Thạnh Đức 1, xã Phở Thạnh (huyện Đức Phổ); các thôn: An Chuẩn, Kỳ Tân, Vinh Phú, xã Đức Lợi (huyện Mộ Đức).

Hiện có nhiều hộ dân ở thôn Khê Tân (xã Tịnh Khê), khu dân cư ven biển Sa Huỳnh (xã Phở Thạnh), thôn Lê Thủy (xã Bình Trị), thôn Phước Thiện và thôn An Cường (xã Bình Hải) bị nứt, sập nhà đã phải di dời, sơ tán; các hộ còn lại trong thôn, xóm luôn lo sợ sạt lở tiếp tục lần sâu.

2. Hiện trạng sạt lở, bồi lấp cửa sông

a) Tình hình sạt lở, bồi lấp cửa sông:

Tỉnh Quảng Ngãi có 06 cửa sông, gồm các cửa: Sa Càn, Sa Kỳ, Cửa Đại, Cửa Lở, Mỹ Á, Sa Huỳnh; các cửa sông đều thường xuyên bị xói lở, bồi lấp; trong đó cửa sông có diễn biến bồi, xói mạnh trong những năm gần đây, gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân và các hoạt động kinh tế - xã hội là: Cửa Đại, Cửa Lở, Sa Huỳnh, Mỹ Á. Hàng năm tỉnh phải tốn nhiều chi phí

để nạo vét tạm thời cho tàu thuyền ra vào. Diện tích vùng thường xuyên bồi lấp ở các cửa sông khoảng: 319,2 ha (*trong đó: Sa Cần: 44,8 ha; Sa Kỳ: 58,3 ha; Cửa Đại: 124,5 ha; Cửa Lở: 43,4 ha; Mỹ Á: 25,2 ha; Sa Huỳnh: 23,0 ha*).

b) Các cửa sông có diễn biến sạt lở, bồi lấp mạnh:

b1) Khu vực Cửa Đại sông Trà Khúc:

- Sạt lở: Khu vực bờ Bắc Cửa Đại sông Trà Khúc thuộc địa bàn thôn Khê Tân, xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi đã bị sạt lở nghiêm trọng do ảnh hưởng của mưa, lũ sau bão số 12 kết hợp với không khí lạnh cường độ mạnh từ ngày 03 - 07/11/2017; đợt lũ này kết hợp với sóng biển dâng cao đã gây ra sạt lở nặng nề tại khu vực Cửa Đại sông Trà Khúc, chiều dài sạt lở khoảng 300m và lún sâu vào đất liền từ 100 - 200m, làm 04 nhà bị sập đổ hoàn toàn, 03 ha rừng phòng hộ ven biển bị xói lở, cuốn trôi, hệ thống thoát nước tuyến bờ Đông sông Kinh - Cửa Đại bị làm hư hỏng, uy hiếp trực tiếp đến 100 hộ/400 nhân khẩu ở thôn Khê Tân. Tiếp đó, từ ngày 19 - 26/11/2017, do ảnh hưởng của mưa, lũ, khu vực này tiếp tục bị sạt lở và có nguy cơ ảnh hưởng đến toàn bộ khu dân cư thôn Khê Tân có 350 hộ/ 1.200 khẩu và các công trình cơ sở hạ tầng, kỹ thuật trong khu vực (*có ảnh chụp kèm theo*).

- Bồi lấp: Cửa Đại sông Trà Khúc thường xuyên bị bồi lấp, tạo ra các doi cát lớn phát triển từ hai phía bờ Bắc và Nam vào giữa cửa và vị trí, quy mô các doi cát này luôn thay đổi, làm nông lòng dẫn chính, gây khó khăn cho hàng trăm tàu thuyền có nhu cầu ra, vào qua cửa sông hàng ngày và khoảng 1.200 tàu thuyền có nhu cầu vào trong sông neo đậu tránh trú bão, đồng thời gây cản trở dòng chảy, hạn chế thoát lũ từ sông Trà Khúc.

Hàng năm, để tạm thời giải quyết bức xúc của người dân về hiện tượng bồi lấp khu vực Cửa Đại, chính quyền địa phương phải tổ chức nạo vét, khơi thông nhiều lần, chi phí cho mỗi lần từ 2 - 4 tỷ đồng, song cũng chỉ tạm thời giải quyết nhu cầu lưu thông cho tàu cá của địa phương trong thời gian rất ngắn vì tốc độ bồi lấp ở đây tương đối nhanh.

b2) Khu vực Cửa Sa Huỳnh:

Cửa Sa Huỳnh có chiều rộng nhỏ nhất khoảng 80m, chiều dài luồng chính khoảng 400 m, thường xuyên bị bồi lấp gây khó khăn cho khoảng 500 tàu cá thường xuyên ra, vào hàng ngày và gần 800 tàu cá các loại vào neo đậu tránh trú khi có bão, áp thấp nhiệt đới. Mặc dù đã được đầu tư xây dựng 01 tuyến đê chắn cát dài 450m phía bờ Tây cửa nhưng chưa giải quyết dứt điểm được hiện tượng bồi lấp cát. Hàng năm, địa phương cũng tốn kém nhiều chi phí để nạo vét, tuy nhiên cũng chỉ giải quyết được tạm thời cho tàu thuyền ra, vào.

b3) Khu vực Cửa Lở sông Vệ:

Cửa Lở sông Vệ cũng thường xuyên bị bồi lấp, tạo ra các doi cát chắn ngang và luôn thay đổi giống như Cửa Đại sông Trà Khúc, gây khó khăn cho tàu thuyền của ngư dân địa phương ra vào hàng ngày, cản trở thoát lũ từ sông Vệ. Chính quyền địa phương cũng thường xuyên phải tổ chức nạo vét tạm

thời để tàu thuyền ra vào, tuy nhiên do đặc điểm tàu cá địa phương chủ yếu là tàu nhỏ (công suất từ 20 - 60 CV) hoạt động ven bờ nên phạm vi nạo vét, tạo luồng cho tàu thuyền không lớn. UBND huyện Mộ Đức phải bố trí kinh phí cho UBND xã Đức Lợi tổ chức thực hiện công việc trên thường xuyên.

3) Hiện trạng sạt lở bờ sông:

Các sông, suối lớn trên địa bàn tỉnh cũng đang có nhiều điểm bị sạt lở bờ sông, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, cơ sở hạ tầng, đất sản xuất,... Tổng số điểm sạt lở 152 điểm, trong đó:

- Sạt lở đặc biệt nguy hiểm có 03 điểm;
- Sạt lở nguy hiểm có 102 điểm và sạt lở bình thường có 47 điểm.

II. Kết quả kiểm tra, rà soát, đánh giá, phân loại mức độ sạt lở, bồi lấp và nhu cầu xử lý cấp bách các điểm sạt lở bờ biển, bồi lấp cửa sông

1. Tình hình xử lý sạt lở, bồi lấp bờ biển, cửa sông

Thực hiện Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04/01/2011, trong thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động sử dụng ngân sách địa phương và kinh phí Trung ương hỗ trợ để xử lý một số điểm sạt lở bờ sông, bờ biển có mức độ sạt lở đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, do khả năng cân đối ngân sách của địa phương khó khăn và nguồn kinh phí Trung ương hỗ trợ hàng năm còn rất hạn chế nên mới chỉ xử lý cấp bách sạt lở ở một phần trong đoạn bờ sông, bờ biển bị sạt lở đặc biệt nguy hiểm (*đoạn sạt lở đã áp sát nhà dân hoặc công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng*), chưa xử lý dứt điểm được cho cả đoạn bờ sông, bờ biển đang bị sạt lở.

Nhằm chủ động ứng phó với diễn biến sạt lở bờ sông, bờ biển, đảm bảo an toàn về người, tài sản của nhà nước và nhân dân vùng sạt lở và vùng có nguy cơ cao bị sạt lở, tại Hội nghị Tổng kết công tác Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2017, triển khai nhiệm vụ năm 2018 (*Thông báo kết luận số 177/TB-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh*) và các văn bản có liên quan, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện nhiều biện pháp để chủ động theo dõi, ứng phó, nhất là trước và trong mùa mưa bão năm 2018, với một số nhiệm vụ chính như:

- Rà soát, sẵn sàng phương án sơ tán nhân dân vùng sạt lở và vùng có nguy cơ cao bị sạt lở đến nơi an toàn, cắm biển báo, bố trí lực lượng canh gác và hướng dẫn nhân dân các hoạt động an toàn; cập nhật trong Phương án Ứng phó thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn ngay từ cấp cơ sở.

- Theo dõi, xử lý bước đầu để hạn chế sạt lở đất (*bờ sông, bờ biển*), chủ yếu là sử dụng vật liệu địa phương, tại chỗ (*cọc tre, phen tre, rọ đá, bao tải cát,...*) để tạm thời hạn chế sạt lở.

- Tổ chức xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển đúng trình tự, phương pháp theo Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển ban hành kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Tuy nhiên, diễn biến sạt lở, bồi lấp bờ sông, bờ biển, cửa sông đang diễn ra phức tạp, ở nhiều nơi, rất cần được đầu tư xử lý kịp thời để hạn chế sạt lở, giảm thiểu thiệt hại do sạt lở bờ sông, bờ biển gây ra, đặc biệt là đảm bảo an toàn tính mạng và ổn định đời sống của nhân dân, an toàn các công trình cơ sở hạ tầng ở địa phương (*Cụ thể tại Phụ lục 3 và 4 kèm theo*).

2. Nhu cầu xử lý khẩn cấp sạt lở, bồi lấp bờ biển, cửa sông

Qua rà soát, đánh giá tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển, bồi lấp cửa sông trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Quảng Ngãi kiến nghị đầu tư xử lý, khắc phục khẩn cấp trong năm 2018-2019 các vị trí sạt lở bờ biển, bồi lấp cửa sông có diễn biến đặc biệt nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân và các hoạt động kinh tế, xã hội ở địa phương, cụ thể như sau:

- Xử lý sạt lở bờ biển tại thôn Khê Tân, xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi. Ước kinh phí thực hiện: **140 tỷ đồng**;

- Xử lý sạt lở bờ biển, khắc phục hư hỏng Kè chống sạt lở bờ biển Sa Huỳnh tại xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ. Ước kinh phí thực hiện: **40 tỷ đồng**;

- Xử lý sạt lở bờ biển tại thôn Lệ Thủy, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn. Ước kinh phí thực hiện: **90 tỷ đồng**;

- Xử lý sạt lở bờ biển tại các thôn Phước Thiện và An Cường, xã Bình Hải, huyện Bình Sơn. Ước kinh phí thực hiện: **120 tỷ đồng**;

- Chống bồi lấp Cửa Đại, sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 1). Ước kinh phí thực hiện: **220 tỷ đồng**.

(Cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo)

3. Nhu cầu xử lý sạt lở bờ biển, bồi lấp cửa sông trong thời gian đến

Trong thời gian đến, nhằm quản lý hiệu quả rủi ro do sạt lở bờ biển, bồi lấp cửa sông gây ra, ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi, UBND tỉnh Quảng Ngãi kiến nghị Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm hỗ trợ kinh phí để đầu tư xử lý các điểm sạt lở, bồi lấp cấp bách với nhu cầu cụ thể như sau:

Khái toán tổng kinh phí thực hiện: 4.975 tỷ đồng; trong đó:

- Xử lý sạt lở bờ biển: 2.995 tỷ đồng;

- Xử lý bồi lấp cửa sông: 1.980 tỷ đồng.

(Cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo)

III. Kết luận, kiến nghị

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành Trung ương và các tổ chức Quốc tế, nhiều công trình đê điều, kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển vừa và lớn đã được đầu tư, đẩy nhanh việc hoàn thiện hệ thống đê điều, các công trình xử lý sạt lở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, nên hạn chế phần nào mức độ ngập lụt,

xâm nhập mặn và sạt lở bờ sông, bờ biển, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, do đặc điểm địa lý và sông ngòi Quảng Ngãi độ dốc lớn, lòng sông cạn và hẹp, nên vào mùa mưa lũ, bờ sông, bờ biển thường bị sạt lở nghiêm trọng, diễn biến theo chiều hướng ngày càng tăng và phức tạp.

1. Đề hạn chế mức độ sạt lở bờ sông, bờ biển; bảo vệ an toàn tính mạng, tài sản, đất sản xuất của nhân dân và hệ thống cơ sở hạ tầng quan trọng, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi một số nội dung cụ thể như sau:

a) Trước mắt, xem xét hỗ trợ kinh phí để tỉnh đầu tư xử lý, khắc phục khẩn cấp trong năm 2018-2019 các vị trí sạt lở bờ biển, bồi lấp cửa sông có diễn biến đặc biệt nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân và các hoạt động kinh tế, xã hội ở địa phương, với nhu cầu kinh phí ước tính khoảng **570 tỷ đồng** (Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

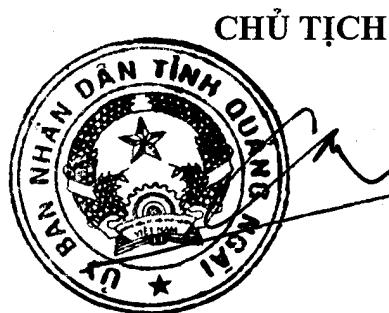
b) Về lâu dài, quan tâm xem xét hỗ trợ kinh phí đầu tư xử lý các điểm sạt lở, bồi lấp cấp bách nhằm quản lý hiệu quả rủi ro do sạt lở bờ biển, bồi lấp cửa sông gây ra, ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân vùng ven biển, với nhu cầu kinh phí khoảng **4.975 tỷ đồng** (chi tiết nêu tại Phụ lục 2).

2. Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sớm ban hành Quy định về phân cấp quản lý, bảo vệ đối với các công trình kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển để các địa phương có đủ cơ sở tổ chức thực hiện.

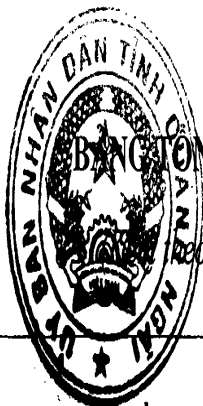
Kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tổng cục Phòng, chống thiên tai;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh519).



Trần Ngọc Căng



Phụ lục 1:

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC ĐỀ XUẤT THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN XỬ LÝ KHẨN CẤP

Công văn số 388/UBND-NNTN ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Danh mục	Diện tích bảo vệ công trình, phạm vi bảo vệ	Dân số bảo vệ	Tính cấp bách cần xử lý	Sơ bộ phương án xử lý (quy mô, giải pháp)	Kinh phí đề xuất (tỷ đồng)
I	Phòng, chống sạt lở bờ biển					350
1	Chống sạt lở bờ Bắc Cửa Đại, Khu dân cư thôn Khê Tân, xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 20 ha, Khu dân cư Khê Tân, xã Tịnh Khê	1.200	Khẩn cấp	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 1.200m	140
2	Kè chống sạt lở bờ biển Sa Huỳnh, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Khoảng 10 ha, Khu dân cư Sa Huỳnh, thôn Thạch Bi, xã Phổ Thạnh; quốc lộ 1A, đôn Biên phòng Sa Huỳnh, nghĩa trang, trường học,...	160	Khẩn cấp	Khôi phục Kè chống sạt lở bờ biển Phổ Thạnh - Sa Huỳnh, dài khoảng 700m	40
3	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Lệ Thủy, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn	Khoảng 6 ha, Khu dân cư Lệ Thủy, xã Bình Trị	180	Khẩn cấp	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 550m	50
4	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Phước Thiện và An Cường, xã Bình Hải, huyện Bình Sơn	Khoảng 9 ha, Khu dân cư An Cường, xã Bình Hải	170	Khẩn cấp	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 1.550m	120
II	Xử lý bồi lấp cửa sông					220
1	Chống bồi lấp Cửa Đại sông Trà Khúc, xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi	Đảm bảo thoát lũ và cho gần 1.200 tàu thuyền ra vào neo đậu tránh trú bão		Cấp bách	Xây dựng công trình chỉnh trị: khoảng 725m đê ngăn cát, chắn sóng, 500m kè bờ, kết hợp nạo vét luồng lạch	220
	Tổng cộng:					570



Phụ lục 2:

BẢNG DANH MỤC ĐỀ XUẤT THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO

(Danh sách đề xuất theo Công văn số 3888 /UBND-NNTN ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Danh mục	Diện tích bảo vệ công trình, phạm vi bảo vệ	Dân số bảo vệ	Tính cấp bách cần xử lý	Sơ bộ phương án xử lý (quy mô, giải pháp)	Kinh phí đề xuất (tỷ đồng)
I	Phòng, chống sạt lở bờ biển					2.995
1	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Thạnh Đức 1, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	Khoảng 10 ha, Khu dân cư thôn Thạnh Đức 1, xã Phổ Thạnh	860	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 2.000m	175
2	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Thanh Thủy, xã Bình Hải, huyện Bình Sơn	Khoảng 9 ha, Khu dân cư Thanh Thủy, xã Bình Hải	80	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 400m	30
3	Kè chống sạt lở bờ biển thôn An Chuẩn, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức	Khoảng 17 ha, Khu dân ven biển thôn An Chuẩn, xã Đức Lợi	360	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 1.000m	95
4	Kè chống sạt lở bờ biển thôn An Hải, xã Bình Châu (vị trí 1), huyện Bình Sơn	Khoảng 8 ha, Khu dân cư thôn An Hải, xã Bình Châu	270	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 600m	90
5	Kè chống sạt lở bờ biển thôn An Hải, xã Bình Châu (vị trí 2), huyện Bình Sơn	Khoảng 6,5 ha, Khu dân cư thôn An Hải, xã Bình Châu	300	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 500m	75
6	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Khê Nam và Cổ Lũy, xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 20 ha, Khu dân cư thôn An Hải, xã Bình Châu	300	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 1.800m	210
7	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Kỳ Xuyên, xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 42 ha, các Khu dân ven biển thôn Kỳ Xuyên, xã Tịnh Kỳ	1.500	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 3.600m	180
8	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Châu Thuận Biển, xã Bình Châu, huyện Bình Sơn	Khoảng 9 ha, Khu dân ven biển thôn Châu Thuận Biển, xã Bình Châu	360	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 1.000m	150
9	Kè chống sạt lở bờ biển Các thôn: Tây, Đông Hộ xã An Vĩnh và An Hải, huyện Lý Sơn	Khoảng 14 ha, Khu dân ven biển thôn Châu Thuận Biển, xã Bình Châu	2.100	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 5.500m	630
10	Kè chống sạt lở bờ biển xã An Bình, huyện Lý Sơn	Khoảng 23 ha, Khu dân ven biển xã An Bình, huyện Lý Sơn	310	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 2.750m	310

TT	Danh mục	Diện tích bảo vệ công trình, phạm vi bảo vệ	Dân số bảo vệ	Tính cấp bách cần xử lý	Sơ bộ phương án xử lý (quy mô, giải pháp)	Kinh phí đề xuất (tỷ đồng)
11	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Định Tân, xã Bình Châu, huyện Bình Sơn	Khoảng 7 ha, Khu dân ven biển thôn Định Tân, xã Bình Châu	120	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 400m	50
12	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Phò An và Tân Mỹ, xã Nghĩa An, thành phố Quảng Ngãi	Khoảng 20 ha, các Khu dân ven biển Phò An và Tân Mỹ, xã Nghĩa An	290	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 3.400m	350
13	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Kỳ Tân, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức	Khoảng 11 ha, Khu dân ven biển thôn Kỳ Tân, xã Đức Lợi	180	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 1.000m	95
14	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức	Khoảng 11 ha, Khu dân ven biển thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi	130	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 1.000m	95
15	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Tấn Lộc, xã Phò Thạnh, huyện Đức Phổ	Khoảng 10 ha, Khu dân cư ven biển thôn Tấn Lộc, xã Phò Châu; đường giao thông liên xã, rừng phòng hộ ven biển và khu du lịch Sa Huỳnh	90	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 3.000m	350
16	Kè chống sạt lở bờ biển thôn Hải Ninh, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn	Khoảng 7,5 ha, Khu dân cư thôn Hải Ninh, xã Bình Thạnh	120	Cấp bách	Xây dựng công trình chống sạt lở bờ biển, dài khoảng 1.400m	110
II Xử lý bồi lấp cửa sông						1.980
1	Chỉnh trị Cửa Đại sông Trà Khúc, xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi	Đảm bảo thoát lũ và cho gần 1.200 tàu thuyền ra vào neo đậu tránh trú bão		Cấp bách	Xây dựng hoàn thiện hệ thống công trình chỉnh trị: 1.185m đê ngăn cát, chắn sóng, 1.730m kè bờ, 1.820m đê chữ T; kết hợp nạo vét luồng lạch	480
2	Chỉnh trị Cửa Lờ sông Vệ, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức	Đảm bảo thoát lũ và cho gần 800 tàu thuyền ra vào neo đậu tránh trú bão		Cấp bách	Xây dựng công trình chỉnh trị: khoảng 1.100m đê ngăn cát, chắn sóng, 1.200m kè bờ, 1.400m đê chữ T; kết hợp nạo vét luồng lạch	600
3	Chỉnh trị Cửa Sa Huỳnh, xã Phò Châu, huyện Đức Phổ	Đảm bảo thoát lũ và cho gần 800 tàu thuyền ra vào neo đậu tránh trú bão		Cấp bách	Xây dựng công trình chỉnh trị: khoảng 600m đê ngăn cát, chắn sóng, 200m kè bờ; kết hợp nạo	280

TT	Danh mục	Diện tích bảo vệ công trình, phạm vi bảo vệ	Dân số bảo vệ	Tính cấp bách cần xử lý	Sơ bộ phương án xử lý (quy mô, giải pháp)	Kinh phí đề xuất (tỷ đồng)
					vết luồng lạch	
4	Chỉnh trị Cửa Sa Kỳ	Đảm bảo thoát lũ và cho gần 1.500 tàu thuyền ra vào neo đậu tránh trú bão		Cấp bách	Xây dựng công trình chỉnh trị: khoảng 1.000m đê ngăn cát, chắn sóng; kết hợp nạo vét luồng lạch	300
5	Chỉnh trị Cửa Sa Cần sông Trà Bồng	Đảm bảo thoát lũ và cho gần 800 tàu thuyền ra vào neo đậu tránh trú bão		Cấp bách	Xây dựng công trình chỉnh trị: khoảng 500m đê ngăn cát, chắn sóng, 800m kè bờ; kết hợp nạo vét luồng lạch	320
	Tổng cộng:					4.975



Phụ lục 3:

BẢNG TÌNH TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP XỬ LÝ SẠT LỞ BỜ BIỂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Công văn số 3888 /UBND-NNTN ngày 04/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

TT	Vị trí/ Địa danh	Tuyến bờ biển	Phạm vi sạt lở		Thời điểm sạt lở	Mức độ ảnh hưởng	Phân loại sạt lở	Sơ bộ phương án xử lý (quy mô, giải pháp)	Kinh phí đề xuất (tỷ đồng)
			Dài (m)	Rộng (m)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tổng cộng		34.626	1.091					3.345
I	Huyện Bình Sơn		7.977	440					675
1	Thôn Định Tân, xã Bình Châu	Định Tân	397	100	1999-2018	Dân cư	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 400 m	50
2	Thôn An Cường, xã Bình Hải	An Cường	640	155	2009-2018	Dân cư + Công trình hạ tầng	Đặc biệt nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 650 m	50
3	Thôn Hải Ninh, xã Bình Thạnh	Hải Ninh	1.400	100	2013-2018	Dân cư	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 1400 m	110
4	Thôn Thanh Thủy, xã Bình Hải	Thanh Thủy	400	30	2009-2018	Dân cư	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 400 m	30
5	Thôn Phước Thiện, xã Bình Hải	Phước Thiện	2.500	20	2009-2018	Dân cư	Đặc biệt nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 900 m	70
6	Thôn An Hải, xã Bình Châu (vị trí 1)	An Hải	600	5	2009-2018	Dân cư	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 600 m	90
7	Thôn An Hải, xã Bình Châu (vị trí 2)	An Hải	500	5	2009-2018	Dân cư	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 500 m	75
8	Thôn Châu Thuận Biển, xã Bình Châu	Châu Thuận	1.000	5	1999-2018	Dân cư	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 1.000 m	150
9	Thôn Lệ Thủy, xã Bình Trị	Lệ Thủy	540	20	2009-2018	Dân cư	Đặc biệt nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 550 m	50

TT	Vị trí/ Địa danh	Tuyến bờ biển	Phạm vi sạt lở		Thời điểm sạt lở	Mức độ ảnh hưởng	Phân loại sạt lở	Sơ bộ phương án xử lý (quy mô, giải pháp)	Kinh phí đề xuất (tỷ đồng)
			Dài (m)	Rộng (m)					
II	Thành phố Quảng Ngãi		9.967	565					880
1	Thôn Kỳ Xuyên, xã Tịnh Kỳ	Kỳ Xuyên	3.617	15	1999-2018	Dân cư + Công trình hạ tầng	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 3.600 m	180
2	Thôn Khê Tân, xã Tịnh Khê	Khe Tân	1.200	450	06/11/2017	Dân cư + Công trình hạ tầng	Đặc biệt nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 1.200 m	140
3	Thôn Khê Nam, Cổ Lũy, xã Tịnh Khê	Cổ Lũy	1.800	25	1999-2018	Dân cư + Đất SXNN	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 1.800 m	210
4	Các thôn: Phở An và Tân Mỹ, xã Nghĩa An	Nghĩa An	3.350	75	1999-2018	Dân cư	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 3.400 m	350
III	Huyện Mộ Đức		3.000	4					285
1	Thôn An Chuẩn, xã Đức Lợi	Đức Lợi	1.000	2	2009-2018	Dân cư + Đất SXNN	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 1.000 m	95
2	Thôn Kỳ Tân, xã Đức Lợi	Đức Lợi	1.000	1	2009-2018	Dân cư + Đất SXNN	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 1.000 m	95
3	Thôn Vinh Phú, xã Đức Lợi	Đức Lợi	1.000	1	2009-2018	Dân cư + Đất SXNN	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 1.000 m	95
IV	Huyện Đức Phổ		5.000	57					565
1	Kè chống sạt lở bờ biển Sa Huỳnh, xã Phở Thạnh	Phở Thạnh - Sa Huỳnh	1.000	5	11-12/2016	Dân cư + Công trình hạ tầng + trụ sở cơ quan	Đặc biệt nguy hiểm	Khôi phục Kè chống sạt lở bờ biển Phở Thạnh - Sa Huỳnh, dài khoảng 700m	40
2	Thôn Thạnh Đức 1, xã Phở Thạnh	Thạnh Đức	2.000	37	2009-2018	Dân cư	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 2.000 m	175
3	Thôn Tấn Lộc, xã Phở Châu	Sa Huỳnh - Tấn Lộc	3.000	20	1999-2018	Dân cư + Công trình hạ tầng	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 3.000 m	350
V	Huyện Lý Sơn		8.182	22					940

TT	Vị trí/ Địa danh	Tuyến bờ biển	Phạm vi sạt lở		Thời điểm sạt lở	Mức độ ảnh hưởng	Phân loại sạt lở	Sơ bộ phương án xử lý (quy mô, giải pháp)	Kinh phí đề xuất (tỷ đồng)
			Dài (m)	Rộng (m)					
1	Các thôn: Tây, Đồng Hộ xã Anh Vĩnh và An Hải	An Vĩnh, An Hải	5.440	15	1999-2018	Dân cư + Đất SXNN	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 5.500 m	630
2	Xã An Bình	An Bình	2.742	7	1999-2018	Dân cư + Đất SXNN	Nguy hiểm	Xây dựng kè chống sạt lở, chiều dài kè khoảng 2.750 m	310



Phụ lục 4:

BẢNG TÓM TẮT HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP XỬ LÝ BỒI LẤP CỬA SÔNG TỈNH QUẢNG NGÃI

(Công văn số 3888 /UBND-NNTN ngày 07/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Vị trí/Địa danh	Tuyến bờ biển	Phạm vi bồi lấp			Thời điểm xảy ra bồi lấp	Mức độ ảnh hưởng	Sơ bộ phương án xử lý (quy mô, giải pháp)	Kinh phí đề xuất (tỷ đồng)
			Dài (m)	Rộng (m)	Cao (m)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tổng cộng		3.500	1.475	0				2.200
1	Cửa Đại sông Trà Khúc, xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi	Tịnh Khê - Nghĩa An	1.500	1.350	(3-6)	Thường xuyên	Tàu thuyền, thoát lũ	Xây dựng công trình chỉnh trị: khoảng 1.185m đê ngăn cát, chắn sóng, 1.730m kè bờ, 1.820m đê chữ T; kết hợp nạo vét luồng lạch	700
2	Cửa Sa Huỳnh, xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ	Phổ Châu	1.000	200	(1-4)	Thường xuyên	Tàu thuyền, thoát lũ	Xây dựng công trình chỉnh trị: khoảng 600m đê ngăn cát, chắn sóng, 200m kè bờ; kết hợp nạo vét luồng lạch	280
3	Cửa Lờ sông Vệ, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức	Nghĩa An - Đức Lợi	1.200	600	(2-5)	Thường xuyên	Tàu thuyền, thoát lũ	Xây dựng công trình chỉnh trị: khoảng 1.100m đê ngăn cát, chắn sóng, 1.200m kè bờ, 1.400m đê chữ T; kết hợp nạo vét luồng lạch	600
4	Cửa Sa Kỳ	Bình Châu - Tịnh Kỳ	2.500	400	(1-3)	Thường xuyên	Tàu thuyền, thoát lũ	Xây dựng công trình chỉnh trị: khoảng 1.000m đê ngăn cát, chắn sóng; kết hợp nạo vét luồng lạch	300
5	Cửa Sa Cần	Bình Thạnh - Bình Đông	800	400	(1-3)	Thường xuyên	Tàu thuyền, thoát lũ	Xây dựng công trình chỉnh trị: khoảng 500m đê ngăn cát, chắn sóng, 800m kè bờ; kết hợp nạo vét luồng lạch	320

./.